

MỤC LỤC

Contents

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC VIỆN	1
1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (Cơ sở đào tạo) và website.....	1
1.1. Tên trường: HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	1
1.2. Giới thiệu về Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	1
2. Quy mô đào tạo tính đến 31/12/2020 (người học).....	2
3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất.....	3
3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:	3
3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (theo Phương thức 2):.....	3
II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG.....	5
1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:	5
1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá.....	5
1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị.....	5
2. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện	10
3. Số lượng giảng viên:	11
3.1. Giảng viên cơ hữu:	11
3.2. Giảng viên thỉnh giảng theo khối ngành:.....	11
III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021.....	11
1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học	11
1.1. Đối tượng tuyển sinh:.....	11
1.2. Phạm vi tuyển sinh:	12
1.3. Phương thức tuyển sinh:.....	12
1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	13
1.5. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:.....	15
1.6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:	16
1.7. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển ...:	16
1.8. Tổ chức tuyển sinh:	17
1.9. Chính sách ưu tiên:.....	18
1.10. Lệ phí xét tuyển: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	19
1.11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:.....	19
1.12. Các nội dung khác.....	19
1.12.1 Chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin (theo TT 23)	19
1.12.2 Chương trình liên kết quốc tế	19
1.12.3 Phân loại và xếp lớp học tiếng Anh:	19

1.12.4. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy	19
1.12.5. Ký túc xá:	20
1.12.6. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm	20
1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)	20
1.14. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Công nghệ thông tin trình độ đại học	21
1.15. Tài chính	24
2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học.....	24
2.1. Đối tượng tuyển sinh	24
2.2. Phạm vi tuyển sinh: Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước.	25
2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển	25
2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:.....	25
2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT	25
2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:.....	25
2.7. Tổ chức tuyển sinh:	26
2.8. Chính sách ưu tiên:.....	27
2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.....	27

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2021

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC VIỆN

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (Cơ sở đào tạo) và website

1.1. Tên trường: HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Tên tiếng Anh: **POSTS AND TELECOMMUNICATIONS INSTITUTE OF TECHNOLOGY**, viết tắt: **PTIT**

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH)

Km 10 Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

ĐT: (024) 33528122, (024) 33512252; Fax: (024) 33829236

Website: <https://ptit.edu.vn>, <https://daotao.ptit.edu.vn> và <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Fanpage tuyển sinh: <https://facebook.com/ptittuyensinh>

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS)

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38297220; Fax: (028) 39105510

Website: <http://ptithcm.edu.vn> và <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Fanpage tuyển sinh: <https://facebook.com/ptithcm.edu.vn>

1.2. Giới thiệu về Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông – trường đại học công lập trực thuộc Bộ Thông tin & Truyền thông có 02 Cơ sở đào tạo tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, có các Viện nghiên cứu khoa học – chuyển giao công nghệ; với sứ mạng Nghiên cứu khoa học, Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông với mục tiêu ***“Xây dựng Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông trở thành trường Đại học trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông tại Việt Nam”***.

Học viện là cơ sở giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học và công nghệ có cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, trong đó tập trung vào lĩnh vực Viễn thông, Công nghệ thông tin và Truyền thông (***ICT - luôn là thế mạnh của Học viện với hơn 20 năm kinh nghiệm gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp***); có chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, nghiên cứu khoa học tiên tiến; có đội ngũ cán bộ

giảng dạy, nghiên cứu trình độ cao; có đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp và đồng bộ; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng, giữa khoa học và công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài khoa học, công nghệ; định hướng phát triển thành đại học nghiên cứu ngang tầm với các đại học có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao; chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục và đào tạo, của Bộ Thông tin và Truyền thông về cơ cấu tổ chức và chuyên môn theo quy định của Chính phủ. Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm bồi dưỡng đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn thuộc Học viện có quyền tự chủ cao, có tư cách pháp nhân được quy định trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học.

Sứ mạng

Sứ mạng của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động giáo dục – đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu phát triển và chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức mới trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đáp ứng thực tiễn phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

Tầm nhìn tới năm 2030

Đến năm 2030, Học viện trở thành một trung tâm về giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học – chuyển giao công nghệ và tri thức trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có uy tín, khả năng cạnh tranh, hội nhập quốc tế cao và nằm trong nhóm 100 trường đại học hàng đầu châu Á theo bảng xếp hạng QS Asia¹.

2. Quy mô đào tạo tính đến 31/12/2020 (người học)

TT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo						Tổng
		Khối ngành III		Khối ngành V		Khối ngành VII		
		BVH	BVS	BVH	BVS	BVH	BVS	
I	Chính quy							
1	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							76
1.1.1	Ngành Kỹ thuật điện tử			12				12
1.1.2	Ngành Kỹ thuật viễn thông			21				21
1.1.3	Ngành Kỹ thuật máy tính			5				5
1.1.4	Ngành Hệ thống thông tin			28				28
1.1.5	Ngành Quản trị kinh doanh	10						10
1.2	Thạc sĩ							405
1.2.1	Ngành Kỹ thuật viễn thông			72	8			90
1.2.2	Ngành Hệ thống thông tin			70	55			125
1.2.3	Ngành Khoa học máy tính			39				39
1.2.4	Ngành Quản trị kinh doanh	151						151
2.	Đại học							
2.1.	Chính quy							
2.1.1.	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên							
2.1.1.1	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông			1.615	309			1.924

TT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo						Tổng
		Khối ngành III		Khối ngành V		Khối ngành VII		
		BVH	BVS	BVH	BVS	BVH	BVS	
2.1.1.2	Ngành CN kỹ thuật Điện, điện tử			892	197			1.089
2.1.1.3	Ngành Quản trị kinh doanh	650	250					900
2.1.1.4	Ngành Thương mại điện tử	258	0					258
2.1.1.5	Ngành Marketing	768	302					1.070
2.1.1.6	Ngành Kế toán	785	260					1.045
2.1.1.7	Ngành Công nghệ đa phương tiện					950	308	1.258
2.1.1.8	Ngành Truyền thông đa phương tiện					433	0	433
2.1.2.	<i>Các ngành đào tạo ưu tiên</i>							
2.1.2.1	Ngành Công nghệ thông tin			2.924	809			3.733
2.1.2.2	Ngành An toàn thông tin			836	339			1.175
II	Vừa làm vừa học							
1.	Đại học							
1.1	Ngành Quản trị kinh doanh		3					3
1.2	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông				10			10
1.3	Ngành Công nghệ thông tin				3			3
II	Đào tạo từ xa							
2.1	Ngành Quản trị kinh doanh	316						316
2.2	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông			86	7			93
2.3	Ngành Công nghệ thông tin			254	10			264

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

Năm 2019, Học viện chỉ sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT để thực hiện xét tuyển vào đại học hệ chính quy.

Năm 2020, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng 03 phương thức tuyển sinh để thực hiện xét tuyển vào đại học hệ chính quy. Gồm có: (1) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, (2) Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và (3) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với một trong các loại Chứng chỉ quốc tế hoặc Thành tích cá nhân trong các kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (theo Phương thức 2):

Khối ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2019							Năm tuyển sinh 2020								
	Chỉ tiêu		Số nhập học			Điểm TT		Chỉ tiêu		Số nhập học			Điểm TT			
	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS
Khối ngành III																
- Ngành 1: 7340101	250	170	80	268	181	87			200	160	40	213	165	48		
<i>Tổ hợp: A00</i>				120	80	40	21,65 TTNV	19,70 TTNV					122	39	24,60 TTNV	23,50 TTNV
<i>Tổ hợp: A01</i>				42	29	13	= 1	<= 3					15	3	<= 2	<= 6
<i>Tổ hợp: D01</i>				106	72	34							28	6		
- Ngành 2: 7340115	280	200	80	292	206	86	22,35 TTNV	21,20 TTNV	265	200	65	299	216	83	25,50 TTNV	24,60 TTNV
<i>Tổ hợp: A00</i>				136	103	33	<= 5	<= 6					139	57	<= 4	<= 6

Khối ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyệt	Năm tuyển sinh 2019								Năm tuyển sinh 2020								
	Chỉ tiêu			Số nhập học			Điểm TT		Chỉ tiêu			Số nhập học			Điểm TT		
	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS	
Tổ hợp: A01				61	37	24								28	8		
Tổ hợp: D01				95	66	29								49	18		
- Ngành 3: 7340301	280	200	80	281	196	85			255	200	55			233	60		
Tổ hợp: A00				147	108	39	21,35	18,00						153	42	24,35	21,70
Tổ hợp: A01				22	16	6	TTNV	TTNV						25	3	<= 4	<= 4
Tổ hợp: D01				112	72	40	<= 2	<= 12						55	15		
- Ngành 4: 7340122	80	80		81	81				100	100	0	114	114				
Tổ hợp: A00				40	40		22,45							89		25,70	
Tổ hợp: A01				16	16		TTNV							15		<= 4	
Tổ hợp: D01				25	25		<= 2							10			
Khối ngành V																	
- Ngành 1: 7520207	550	430	120	515	445	70			490	400	90	492	426	66			
Tổ hợp: A00				383	331	52	21,95	17,00						360	53	25,25	20,00
Tổ hợp: A01				132	114	18	TTNV	TTNV						66	13	<= 4	<= 5
Tổ hợp: D01							<= 4	<= 2									
- Ngành 2: 7510301	370	250	120	296	255	41			290	210	80			224	32		
Tổ hợp: A00				236	200	36	21,05	17,00						185	26	24,75	20,25
Tổ hợp: A01				60	55	5	TTNV	TTNV						39	6	<= 3	<= 2
Tổ hợp: D01							= 1	<= 4									
- Ngành 3: 7480201	910	700	210	957	730	227			840	700	140			750	164		
Tổ hợp: A00				658	507	151	24,10	22,00						624	134	26,65	25,10
Tổ hợp: A01				299	223	76	TTNV	TTNV						126	30	<= 3	<= 11
Tổ hợp: D01							= 1	<= 6									
- Ngành 4: 7480202	280	200	80	306	209	97			250	200	50			205	66		
Tổ hợp: A00				206	145	61	23,35	20,00						168	50	26,25	24,20
Tổ hợp: A01				100	64	36	TTNV	TTNV						37	16	<= 10	<= 18
Tổ hợp: D01							<= 3	= 1									
Khối ngành VII																	
- Ngành 1: 7329001	330	250	80	337	253	84			290	210	80			227	93		
Tổ hợp: A00				154	134	20	22,70	21,00						150	46	25,75	23,80
Tổ hợp: A01				106	83	23	TTNV	TTNV						55	15	<= 3	<= 8
Tổ hợp: D01				77	36	41	= 1	<= 6						22	32		
- Ngành 2: 7320104	120	120		123	123				100	100	0			107			
Tổ hợp: A00				39	39		22,45							58		25,60	
Tổ hợp: A01				39	39		TTNV							28		= 1	
Tổ hợp: D01				45	45		<= 2							21			
Tổng	3450	2600	850	3456	2679	777											

Ghi chú: Thông tin ở Cột Điểm TT ($\leq x$), x là thứ tự nguyện vọng ưu tiên của thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách ✓

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của Học viện là: gần **13ha**;
- *Số chỗ ở ký túc xá sinh viên*: Cơ sở đào tạo phía Bắc có 200 chỗ, Cơ sở đào tạo phía Nam có đủ chỗ cho sinh viên khóa mới.
- *Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy*:

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	188	53,023
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5	8,104
1.2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	38	15,915
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	71	15,363
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	45	7,258
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	
1.6	Phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên cơ hữu	29	6,383
2	Thư viện, trung tâm học liệu	8	1,718
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực hành, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	56	6,184
	Tổng	252	60,925

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
I.	Phòng thí nghiệm		
1.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát điện trường biến thiên theo thời gian - Khảo sát hiện tượng giao thoa ánh sáng và máy tính	Nhóm ngành V
2.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát điện trường biến thiên trong ống dây - Khảo sát hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng và máy tính	Nhóm ngành V
3.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát chuyển động của điện tử trong điện từ trường - Khảo sát hiện tượng phân cực ánh sáng và máy tính	Nhóm ngành V

TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
4.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát các hiện tượng, định luật cơ – điện, từ trường	Nhóm ngành V
5.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý: - Khảo sát các hiện tượng, định luật quang học sóng, quang lượng tử, bức xạ nhiệt.	Khối ngành V
6.	04 Phòng thí nghiệm Vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát điện trường biến thiên theo thời gian - Khảo sát hiện tượng giao thoa ánh sáng - Khảo sát điện trường biến thiên trong ống dây - Khảo sát hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng - Khảo sát chuyển động của điện tử trong điện từ trường - Khảo sát hiện tượng phân cực ánh sáng - Khảo sát mạch dao động điện từ - Khảo sát hiện tượng quang điện Máy tính	Nhóm ngành V
II.	Phòng thực hành		
7.	Phòng thực hành hệ thống nhúng	KIT Hệ thống nhúng (KIT STM ARM, Raspberry, Arduino...), Mô hình cánh tay Robot, Mô hình xe Robot tự hành và thu thập dữ liệu, Mô hình điều khiển PLC, Mô hình Smarthome, Máy tính...	Khối ngành V
8.	Phòng thí nghiệm thực hành Điện	Bộ Thực hành (Mạch điện, Đo lường điện tử, Đo điện, Linh kiện điện tử, Logic số, Bộ kiểm tra vi mạch,...), Oscilloscope, VOM, Máy tính...	Khối ngành V
9.	Phòng thí nghiệm thực hành Điện tử tương tự	Bộ Thực hành (Cấu kiện điện tử, Điện tử tương tự, Điện tử công suất...), Oscilloscope, VOM, Máy tính,...	Khối ngành V
10.	Phòng thí nghiệm thực hành Cơ điện	Mô hình trạm biến áp, Mô hình tủ điện, Mô hình hệ thống điện chiếu sáng, máy phát điện, công suất nguồn, Máy tính...	Khối ngành V
11.	Phòng thí nghiệm thực hành Điện tử số	Bộ Thực hành (Điện tử số, Kỹ thuật số...), Oscilloscope, VOM, Máy tính,...	Khối ngành V
12.	Phòng thí nghiệm thực hành Mô phỏng	Máy tính, Hệ thống các phần mềm (Matlab, Altium, Proteus, Xilinx, Tia portal...), dụng cụ test và thi công mạch,...	Khối ngành V
13.	Phòng thí nghiệm thực hành Cơ cấu chấp hành	Bộ Thực hành Điện tử công suất, Mô hình khởi động-điều khiển động cơ, Mô hình truyền động AC Servo, DC Servo, Máy tính,...	Khối ngành V
14.	Phòng thí nghiệm Tự động hóa	Mô hình điều khiển PLC, Hệ thống nhúng (KIT STM, Raspberry, Arduino...), Mô hình hệ thống điều khiển công nghiệp 4.0, Hệ thống	Khối ngành V

TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
		điều khiển thủy lực, khí nén, CNC, Hệ thống cảm biến, Máy tính, ...	
15.	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điều khiển và Robot	Mô hình cánh tay Robot, Các mô hình điều khiển (Cầu trục, thang máy, băng tải, quad door...), Mô hình điều khiển thời gian thực, Máy tính, ...	Khối ngành V
16.	Phòng thực hành Công nghệ đa phương tiện 3	Máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng về ngôn ngữ lập trình, mô phỏng toán học	Khối ngành V
17.	Phòng thực hành Quay phim	Các thiết bị chuyên dụng cho Studio thu hình: máy quay, máy chụp ảnh và thiết bị chiếu sáng	Khối ngành V
18.	Phòng thực hành Máy tính tổng hợp	Máy tính - Các phần mềm tin học văn phòng, ảo hóa, các ngôn ngữ lập trình	Khối ngành V
19.	Phòng thực hành Đồ họa	Trang bị chuyên dụng về vẽ, mỹ thuật và thiết kế đồ họa	Khối ngành V
20.	Phòng thực hành Công nghệ đa phương tiện 1	Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng về thiết kế đồ họa và lập trình ứng dụng đa phương tiện	Khối ngành V
21.	Phòng thực hành Công nghệ đa phương tiện 2	Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng về thiết kế đồ họa và lập trình ứng dụng đa phương tiện	Khối ngành V
22.	Phòng thí nghiệm An toàn thông tin	Máy tính, switch nối mạng và WiFi Access Point, Phòng Lab để giáo viên xây dựng bài thí nghiệm thực hành đào tạo an toàn thông tin	Khối ngành V
23.	Phòng thực hành Máy tính tổng hợp	Máy tính - Các phần mềm	Khối ngành V
24.	Phòng thực hành Máy tính tổng hợp	Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng	Khối ngành V
25.	Phòng thực hành Mạng máy tính & truyền thông	Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng	Khối ngành V
26.	Phòng thực hành An toàn thông tin	Máy tính, wifi, Switch 24 port; Smart Tivi Samsung 55 inch UA55K5500; HT cáp mạng LAN, Thiết bị Web Application Firewall Fortinet FortiWeb 400C (USA); Thiết bị Firewall Fortinet Fortigate 500D; Phần mềm ảo hóa máy chủ VMware vSphere 6; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL); Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2; Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D; Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an	Khối ngành V

TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
		ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security, Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM); Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE, ...	
27.	Phòng thực hành Công nghệ phần mềm	Máy tính - Các phần mềm	Khối ngành V
28.	Phòng thực hành Hệ thống thông tin	Máy tính - Các phần mềm	Khối ngành V
29.	Phòng Thí nghiệm trí tuệ nhân tạo	Máy tính, các thiết bị nhúng, các phần mềm AI	Khối ngành V
30.	Phòng thực hành EWSD	Tổng đài EWSD, Tổng đài Starex –IMS, Trung tâm khai thác và bảo dưỡng tổng đài.	Khối ngành V
31.	Phòng thực hành Hệ thống vô tuyến	Oscilloscope 20MHz, Bộ TH thông tin Digital DCS 297-1, Mô hình đường truyền dẫn TLD 511, Bộ TH biến xung PM.T2956-5, Máy phát sóng chức năng FM 5139/001-0,1mHz, Phần mở rộng phần THHT thông tin số DSC 2972, Bộ thí nghiệm điều xung mã PCM 2967 Máy tính để bàn Acer Extensa M2610	Khối ngành V
32.	Phòng thực hành Mạng viễn thông	Các thiết bị mạng viễn thông: Điện thoại, Modem ADSL, Webcam A4tech, Tủ Rack 42U, Switch 24Port, Patch Panel 24Port, ... Máy tính desktop CMS X-Media	Khối ngành V
33.	Phòng thực hành Mạng viễn thông nâng cao	Các tổng đài chuyển mạch gói, thiết bị nối mạng Router Cisco, Máy trạm ESPRIMO, các máy chủ Server, máy tính mới với tốc độ cao ...	Khối ngành V
34.	Phòng thực hành An toàn thông tin	Máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng chuyên ngành an toàn thông tin - Các thiết bị mạng chuyên dụng	Khối ngành V
35.	Phòng thực hành Mạng truy nhập quang	Máy tính, mô hình mạng truy nhập quang, phần mềm chuyên dụng, thiết bị đầu cuối	Khối ngành V
36.	Phòng thực hành Thông tin quang	Hệ thống ghép kênh, truyền dẫn quang SDH - Máy đo công suất quang, máy đo OTDR - Các bộ thực hành thu phát quang - Máy tính - Phần mềm mô phỏng tuyến quang.	Khối ngành V
37.	06 Phòng thực hành Điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính - Bộ KIT thực hành Điện tử - Bộ KIT thực hành số - Bộ KIT thực hành Labvolt - Bộ KIT thực hành Thủy sỹ - Máy hiện sóng - Máy phát sóng 	Nhóm ngành V

TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
		- Máy tính	
38.	Phòng thực hành Toán ứng dụng	- Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng toán học - Máy hiện sóng - Máy phát sóng - Các KIT FPGA	Tất cả các ngành
39.	07 Phòng thực hành viễn thông	- Máy tính - Các thiết bị đo vô tuyến - Các phần mềm chuyên dụng mô phỏng vô tuyến - Trạm thu phát vô tuyến (BTS) - máy đo thiết bị đầu cuối - Trạm ghép WLL - Hệ thống ghép kênh - Hệ thống truyền dẫn SDH - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng mạng lõi, mạng truy nhập viễn thông - hệ thống thiết bị viễn thông chuyên dụng (Rouner, Switch, IP-DSLAM, ADSL modem....)	Nhóm ngành V
40.	09 Phòng thực hành công nghệ thông tin	- Máy tính - Hệ thống mạng (router, switch) - Hệ thống an toàn bảo mật thông tin. - Các phần mềm chuyên dụng chuyên ngành công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, An toàn thông tin...	Nhóm ngành V
41.	04 Phòng thực hành Đa phương tiện	- Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng về thiết kế đồ họa, video, đa phương tiện - Hệ thống chuyên dụng cho Studio thu hình: máy quay, máy xử lý hình ảnh... - Hệ thống chuyên dụng cho Studio thu âm: máy ghi âm, máy xử lý âm thanh...	Nhóm ngành V
III.	Phòng Lab		
42.	Phòng Lab học máy và ứng dụng	Máy chiếu, máy tính cho giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu	Nhóm ngành V
43.	Phòng LAB rà quét lỗ hổng ATBM - LAB An toàn thông tin	Máy tính, server, Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL), ...	Nhóm ngành V

TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
44.	Phòng LAB giả lập tấn công ATBM - LAB An toàn thông tin	Máy tính, server , Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2, Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D, Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE, ...	Nhóm ngành V
45.	Phòng LAB phân tích mã độc - LAB An toàn thông tin	Máy tính, server, Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security; Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM; Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; ...	Nhóm ngành V
46.	Phòng LAB Toán ứng dụng và tính toán	Máy tính, máy in	Nhóm ngành V
47.	Phòng LAB Hệ vô tuyến và ứng dụng	Máy tính, máy, wifi, thiết bị điện tử cho giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu	Nhóm ngành V
48.	Phòng LAB viễn thông	Máy tính, máy in, MyTV, màn hình LCD, máy chủ ... cho nghiên cứu và đào tạo	Nhóm ngành V
49.	Phòng LAB an toàn thông tin	Máy tính, wifi, Switch 24 port; Smart Tivi Samsung 55 inch UA55K5500; HT cáp mạng LAN, ...	Nhóm ngành V
50.	Phòng Lab Thông tin vô tuyến	Máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu, màn chiếu, workstation, wifi cho các giảng viên tham gia nghiên cứu	Nhóm ngành V
51.	Phòng LAB Samsung	Máy tính, máy chiếu, máy in, node mạng Lan.	Nhóm ngành V, VII
52.	Phòng Lab Block Chain	Máy tính, máy in	Nhóm ngành V, III
53.	Phòng Lab 4G Viettel	Thiết bị nguồn DC,Ắc quy, UPS, tủ rack server, hệ thống điện AC cho phòng máy Thiết bị hạ tầng cơ điện cho phòng máy Thiết bị Sever phòng máy Thiết bị Sever phòng máy Thiết bị BTS – Node B Trang, thiết bị văn phòng	Nhóm ngành V

2. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Sách	Tạp chí	E-book, CSDL điện tử	Ghi chú
1.	Khối ngành III	21.479	6	11 CSDL	
2.	Khối ngành V	15.486	8	11 CSDL	
3.	Khối ngành VII	5.819	5	11 CSDL	
	Tổng:	42.784	19	11	

3. Số lượng giảng viên:

3.1. Giảng viên cơ hữu:

STT	Khối ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH)						
1	Khối ngành III	1	3	22	51	7
2	Khối ngành V	2	18	65	80	14
3	Khối ngành VII	1	4	4	22	6
4	Các môn chung	0	2	12	25	1
	Cộng:	4	27	103	178	28
Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS)						
1	Khối ngành III	0	0	5	23	0
2	Khối ngành V	0	2	17	32	3
3	Khối ngành VII	0	0	2	8	0
4	Các môn chung	0	0	4	10	1
	Cộng:	0	2	28	73	4

(Danh sách chi tiết kèm theo)

3.2. Giảng viên thỉnh giảng theo khối ngành:

STT	Khối ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH)						
1	Khối ngành III	0	0	2	3	0
2	Khối ngành V	1	2	4	6	0
3	Khối ngành VII	0	0	0	13	0
	Cộng:	1	2	6	22	0
Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS)						
1	Khối ngành III	0	0	1	8	0
2	Khối ngành V	0	3	7	14	0
3	Khối ngành VII	0	0	0	10	3
	Cộng:	0	3	8	32	3

(Danh sách kèm theo)

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học

1.1. Đối tượng tuyển sinh:

a) Quy định chung:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi

đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp bài thi/môn thi tương ứng các ngành của Học viện.

c) Đối với phương thức xét tuyển kết hợp thi ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

- Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm chung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ/lớp chuyên môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc gia; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước (thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào thì sẽ theo học tại Cơ sở đó – BVH hoặc BVS) và quốc tế.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

Năm 2021, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng **03 phương thức tuyển sinh** như sau:

a) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Học viện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có thông báo chi tiết riêng);

b) Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021; ✓

c) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với một trong các loại Chứng chỉ quốc tế *hoặc* Thành tích cá nhân trong các kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi *hoặc* Thành tích học tập tại các trường THPT chuyên như đã nêu tại điểm c mục 1.1 về Đối tượng tuyển sinh ở trên (*chi tiết sẽ có trong thông báo tuyển sinh*).

1.4 Chỉ tiêu tuyển sinh

Tổng chỉ tiêu là **3.470**, trong đó dự kiến chỉ tiêu của 02 Cơ sở đào tạo như sau:

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Km10 Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu		Tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển
				Theo kết quả thi THPT	Theo phương thức khác	
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	380	60	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01).
2	Đại học	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	195	35	
3	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	655	115	
4	Đại học	7480202	An toàn thông tin	190	30	
5	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	195	35	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01).
6	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	95	15	
7	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	150	25	
8	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	95	15	
9	Đại học	7340115	Marketing	190	35	
10	Đại học	7340301	Kế toán	130	20	
11	Đại học	7340208	Công nghệ tài chính (Fintech) (Ngành đào tạo mới)	85	15	
Tổng cộng:				2.360	400	
Chương trình chất lượng cao trình độ đại học (Chất lượng cao theo Thông tư 23)						
	Đại học		Công nghệ thông tin	200		<i>Chi tiết tại mục 1.12.1, trang 19</i>

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu		Tổ hợp xét tuyển
				Theo kết quả thi THPT	Theo phương thức khác	
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	80	15	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01).
2	Đại học	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	70	15	
3	Đại học	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa (Ngành đào tạo mới)	60	10	
4	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	130	25	
5	Đại học	7480202	An toàn thông tin	45	10	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu		Tổ hợp xét tuyển
				Theo kết quả thi THPT	Theo phương thức khác	
6	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	70	15	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01).
7	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	35	05	
8	Đại học	7340115	Marketing	55	10	
9	Đại học	7340301	Kế toán	50	10	
Tổng cộng:				595	115	
Chương trình chất lượng cao trình độ đại học (Chất lượng cao theo Thông tư 23)						
	Đại học		Công nghệ thông tin	40		<i>Chi tiết tại mục 1.12.1, trang 19</i>

(*): Nếu xét tuyển theo phương thức tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và phương thức xét tuyển kết hợp không đủ chỉ tiêu đã công bố, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021. ✓

1.5. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520217	4047/QĐ-ĐT	04/12/1997	125/QĐ-HV	26/02/2018		1997	2019
2	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	5466/QĐ-BGDĐT	02/10/2006	125/QĐ-HV	26/02/2018		2006	2019
3	Công nghệ thông tin	7480201	1368/QĐ-BGD&ĐT/ĐH	13/05/1999	125/QĐ-HV	26/02/2018		1997	2019
4	Quản trị kinh doanh	7340101	3401/QĐ-BGD&ĐT/ĐH	07/09/1999	125/QĐ-HV	26/02/2018		1999	2019
5	Kế toán	7340301	5194/QĐ-BGDĐT	17/08/2009	125/QĐ-HV	26/02/2018		2009	2019
6	Marketing	7340115	1368/QĐ-BGDĐT	16/04/2011	125/QĐ-HV	26/02/2018		2011	2019
7	An toàn thông tin	7480202	722/QĐ-BGDĐT	25/02/2013	125/QĐ-HV	26/02/2018		2011	2019
8	Truyền thông đa phương tiện	7320104	1145/QĐ-BGDĐT	09/04/2015	125/QĐ-HV	26/02/2018		2015	2019
9	Thương mại điện tử	7340122	534/QĐ-HV	06/07/2018				2019	2019
10	Công nghệ đa phương tiện	7329001	3756/QĐ-BGDĐT	26/08/2011	125/QĐ-HV	26/02/2018		2011	2019
11	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	100/QĐ-HV	21/01/2021				2021	2021
12	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340208	938/QĐ-HV	30/10/2020				2021	2021

1.6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT: Học viện sẽ thông báo cụ thể sau khi có kết quả thi THPT năm 2021;
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển kết hợp: thí sinh có kết quả điểm trung bình chung học tập các năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 đến 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên tùy theo từng loại đối tượng (chi tiết được công bố trong Thông báo tuyển sinh);
- Các điều kiện xét tuyển: theo quy định và lịch trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển ...:

a) Chính sách học bổng:

Năm 2021, Học viện Công nghệ Bru chính Viện thông tiếp tục duy trì và áp dụng chính sách học bổng miễn, giảm từ 50% đến 100% học phí cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Cụ thể:

- **Học bổng toàn phần (Miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất)** cho thí sinh đạt kết quả thi từ **27,0 điểm** trở lên (điểm bài thi 3 môn xét tuyển) trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.
- **Học bổng bán phần (Miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất)** cho **300 thí sinh** đạt kết quả thi cao nhất từ trên xuống trong số thí sinh có kết quả thi từ **26,0 điểm đến 26,99 điểm** (điểm bài thi 3 môn xét tuyển và điểm ưu tiên) trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.
- Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các xuất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như Samsung, VNPT, Mobifone, Viettel, FPT, AGR, ...

b) Nguyên tắc xét tuyển:

❖ Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021:

- Xét tuyển theo ngành và theo tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển;
- Điểm trúng tuyển của các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành là bằng nhau;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;
- Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng (**không có điểm chênh lệch giữa các nguyện vọng trong cùng một ngành**), nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng ở thứ tự ưu tiên thứ nhất (nguyện vọng 1) thì sẽ được tự động xét tuyển ở nguyện vọng ưu tiên thứ hai (nguyện vọng 2) và kế tiếp;
- Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký, khi đã trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì không được xét tuyển tiếp ở nguyện vọng sau;

- Điểm trúng tuyển được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30 điểm;
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Học viện **không sử dụng tiêu chí phụ riêng** để xét tuyển;
- Các điều kiện khác thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định của Bộ GD&ĐT. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

❖ **Đối với phương thức xét tuyển kết hợp**

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;
- Xét tuyển theo ngành và theo kết quả học tập của năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) của các môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đăng ký xét tuyển;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;
- Điểm trúng tuyển của các tổ hợp trong cùng một ngành là bằng nhau;
- Điểm trúng tuyển được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi đã đăng ký xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có);
- Nếu xét tuyển kết hợp không đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định của Học viện. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

❖ **Học viện không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu để xét tuyển.**

1.8. Tổ chức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Theo quy định và theo lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Phương thức tuyển sinh dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021:
 - Thời gian xét tuyển : Theo lịch xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ✓

- Các điều kiện xét tuyển: *Không tổ chức sơ tuyển*
- Phương thức tuyển sinh kết hợp:
 - Thời gian nhận hồ sơ đăng ký: từ 15/04 đến hết ngày 31/05/2021;
 - Hình thức nộp hồ sơ: thí sinh khai hồ sơ đăng ký xét tuyển trên cổng xét tuyển trực tuyến tại địa chỉ <https://xettuyen.ptit.edu.vn> và nộp hồ sơ (*trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện*) cho các Cơ sở đào tạo của Học viện;
 - Công bố kết quả trúng tuyển: trước ngày 20/06/2021.
- Ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	A00, A01
2	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	A00, A01
3	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01
5	An toàn thông tin	7480202	A00, A01
6	Công nghệ đa phương tiện	7329001	A00, A01, D01
7	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, D01
8	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01
9	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01
10	Marketing	7340115	A00, A01, D01
11	Kế toán	7340301	A00, A01, D01
12	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340208	A00, A01, D01

Ghi chú:

- Tổ hợp **A00**: Toán, Vật lý, Hóa;
- Tổ hợp **A01**: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
- Tổ hợp **D01**: Toán, Văn, Tiếng Anh.

1.9. Chính sách ưu tiên:

- Học viện thực hiện chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT;
- Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Thông báo của Học viện, không giới hạn số lượng chỉ tiêu (*có Thông báo riêng*);
- Học viện tuyển thẳng đối với các thí sinh có kết quả thi 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (tương ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển) **từ 27,0 điểm (chỉ tính điểm bài thi) trở lên**; thí sinh tuyển thẳng được **miễn 100% học phí** trong năm học thứ nhất. ✓

1.10. Lệ phí xét tuyển: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện

1.11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:

- Học phí trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2021 - 2022: trung bình từ khoảng 19,5 triệu đồng đến 21 triệu đồng/năm tùy theo từng ngành học;
- Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và công bố công khai vào đầu mỗi năm học.

1.12. Các nội dung khác

1.12.1 Chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin (theo TT 23)

a) Các thí sinh sau khi trúng tuyển vào Học viện ở các ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Kỹ thuật Điện điện tử, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin và Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa sẽ **được đăng ký xét tuyển vào chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin;**

b) Các thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển kết hợp (với đối tượng đã có Chứng chỉ SAT/ACT hoặc Chứng chỉ tiếng Anh) vào các ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Kỹ thuật Điện điện tử, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin và Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa **được ưu tiên xét tuyển thẳng vào chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin (nếu có nguyện vọng);** với các đối tượng còn lại trong phương thức xét tuyển kết hợp, sau khi trúng tuyển sẽ được đăng ký xét tuyển vào chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin giống như đối tượng đã trúng tuyển theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT như mục a nêu trên.

(Thông tin chi tiết về xét tuyển Chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin sẽ có trong Thông báo riêng)

1.12.2 Chương trình liên kết quốc tế

Năm 2021, Học viện triển khai tuyển sinh đào tạo **Chương trình liên kết quốc tế 2+2 cấp bằng Cử nhân Công nghệ thông tin của Đại học La Trobe (Úc)** với nội dung chương trình đào tạo nhiều ưu việt, đồng thời có nhiều cơ hội việc làm, định cư tại Úc sau tốt nghiệp; dự kiến chỉ tiêu là **20 chỉ tiêu**. *(Thông tin chi tiết tại: <https://cie.ptit.edu.vn>)*

1.12.3 Phân loại và xếp lớp học tiếng Anh:

Sau khi nhập học, Học viện sẽ tổ chức kỳ kiểm tra phân loại đầu vào tiếng Anh để tiến hành xếp lớp theo trình độ tiếng Anh cho sinh viên nhằm đảm bảo sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiếng Anh sẽ đạt được chuẩn đầu ra tiếng Anh là TOEIC 450 điểm quốc tế.

1.12.4. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy

a) Địa chỉ website của Học viện:

Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH): <https://ptit.edu.vn> và <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS): <https://ptithcm.edu.vn>

b) Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Vũ Tuấn Lâm	Phó Giám đốc Học viện, Phụ trách đào tạo	0903426232	lamvt@ptit.edu.vn
2	Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện, Phụ trách Cơ sở Tp. HCM (BVS)	0907106251	tanhanh@ptit.edu.vn
3	Đặng Văn Tùng	Quyền Trưởng phòng Đào tạo, Thường trực Hội đồng tuyển sinh	0912337788	tungdv@ptit.edu.vn
4	Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KH-CN Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	0913917153	phulq@ptit.edu.vn
5	Nguyễn Hồng Huệ	Chuyên viên phòng Đào tạo	0912262694	huenth@ptit.edu.vn
6	Nguyễn Hùng Dũng	Chuyên viên phòng ĐT&KH-CN - Cơ sở Học viện tại Tp. HCM	0976452745	Dungnh@ptithcm.edu.vn

c) Trang tư vấn trực tuyến: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn> hoặc inbox trang Fanpage

d/ Fanpage: <https://facebook.com/ptittuyensinh>; <https://facebook.com/ptithcm.edu.vn>

1.12.5. Ký túc xá:

Cơ sở phía Bắc có 200 chỗ cho sinh viên khóa mới, Cơ sở phía Nam có đầy đủ số chỗ cho sinh viên khóa mới.

1.12.6. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: sẽ có thông báo riêng trước 15 ngày thí sinh đăng ký xét tuyển.

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

a. Năm 2018

Khối ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành III	820		760		490		88.01%	
Khối ngành V	1780		1997		1950		92.61%	
Khối ngành VII	400		432		502		94.58%	
Tổng	3,000		3,189		2,942			

b. Năm 2019

Khối ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành III	850		777		744		95.31%	
Khối ngành V	2060		1960		1664		95.36%	
Khối ngành VII	490		472		302		94.09%	
Tổng	3,400		3,209		2,710			

1.14. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Công nghệ thông tin trình độ đại học

a) Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

TT	Tên doanh nghiệp hợp tác	Nội dung hợp tác	Thời gian
1	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi năm Samsung tài trợ 20 suất học bổng mỗi suất trị giá 50 triệu đồng cho các sinh viên năm cuối khoa CNTT, ĐPT, KTĐT và Viễn thông. Những sinh viên được chọn sẽ được bố trí thực tập (toàn thời gian) tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển Samsung và được giám sát hoàn thành dự án nghiên cứu của mình. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có quyền hạn và nghĩa vụ làm việc cho Samsung trong vòng 24 tháng. - Samsung tiếp tục tài trợ và duy trì 01 phòng lab nghiên cứu ứng dụng di động tại khuôn viên của PTIT. - PTIT và Samsung sẽ tiến hành dự án nghiên cứu hợp tác và công nghệ di động. - Chương trình về Ứng dụng thuật toán sẽ tiếp tục được xem như là khóa học tự chọn trong chương trình của PTIT. Bất kỳ sinh viên nào chọn khóa học này sẽ được Samsung tài trợ 50% học phí và được ưu tiên tuyển dụng bởi Samsung sau khi tốt nghiệp. - PTIT có trách nhiệm thông báo chương trình học bổng và tin tức tuyển dụng của Samsung tới sinh viên và hỗ trợ Samsung trong các hoạt động tuyển dụng. 	2018-2021
2	Công ty TNHH Kỹ thuật quản lý bay (ATTECH)	Hợp tác, nghiên cứu phát triển các sản phẩm kỹ thuật điện tử cho ngành hàng không và cung cấp dịch vụ tư vấn giải pháp hữu ích liên quan.	2018-2021
3	Công ty Cổ phần phát triển công nghệ VINTECH	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác tài trợ các dự án nghiên cứu KHCN. - Hợp tác về trao đổi, học hỏi kinh nghiệm cho các GV, nhà nghiên cứu, sinh viên - Hợp tác về giảng dạy và chia sẻ tri thức - Hợp tác về cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp của PTIT có việc làm tại VINTECH và các công ty khác trong hệ sinh thái của VNPT VINGroup. 	2018-2021
4	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty TNHH CO-WELL Co., LTD - Học viện Công nghệ Shibaura, Nhật Bản 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực Khoa học thông tin và kỹ thuật. - Chọn sinh viên năm thứ 4,5 ngành CNTT và ATTT của Học viện sang thực tập tại Cowell để tham gia dự án làm việc nhóm tại Học viện Công nghệ Shibaura, Nhật Bản. 	Từ 2018

TT	Tên doanh nghiệp hợp tác	Nội dung hợp tác	Thời gian
5	Công ty Cổ phần Công nghệ CMC	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận sinh viên năm cuối của Học viện vào thực tập tốt nghiệp và phối hợp với các giảng viên của PTIT theo dõi, đánh giá quá trình thực tập của Sinh viên; ưu tiên tuyển dụng cựu sinh viên, sinh viên có kết quả học tập tốt của PTIT vào làm việc - Phối hợp tổ chức các buổi chia sẻ, tọa đàm về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực ICT nhằm giúp sinh viên Học viện nắm bắt được xu thế phát triển của ngành đào tạo liên quan cũng như tiếp lửa cho những đam mê nghề nghiệp của sinh viên; - Hỗ trợ Học viện phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ để thúc đẩy những hoạt động đổi mới sáng tạo cho giảng viên và sinh viên Học viện - Tham gia tư vấn, đánh giá các chương trình đào tạo của Học viện nhằm tăng cường tính thực tiễn của chương trình đào tạo và gắn kết đào tạo với sự phát triển công nghệ của doanh nghiệp và xã hội - Phối hợp truyền thông, quảng bá thương hiệu của doanh nghiệp thông qua các hoạt động như: ngày hội tuyển dụng, tài trợ cho hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, các hoạt động sinh viên do PTIT tổ chức hoặc đăng cai tổ chức 	2019-2021
6	Công ty Viễn thông FPT Telecom	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận sinh viên năm cuối của Học viện vào thực tập tốt nghiệp và phối hợp với các giảng viên của PTIT theo dõi, đánh giá quá trình thực tập của Sinh viên; ưu tiên tuyển dụng cựu sinh viên, sinh viên có kết quả học tập tốt của PTIT vào làm việc - Phối hợp tổ chức các buổi chia sẻ, tọa đàm về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực ICT nhằm giúp sinh viên Học viện nắm bắt được xu thế phát triển của ngành đào tạo liên quan cũng như tiếp lửa cho những đam mê nghề nghiệp của sinh viên; - Hỗ trợ Học viện phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ để thúc đẩy những hoạt động đổi mới sáng tạo cho giảng viên và sinh viên Học viện - Tham gia tư vấn, đánh giá các chương trình đào tạo của Học viện nhằm tăng cường tính thực tiễn của chương trình đào tạo và gắn kết đào tạo với sự phát triển công nghệ của doanh nghiệp và xã hội - Phối hợp truyền thông, quảng bá thương hiệu của doanh nghiệp thông qua các hoạt động như: ngày hội tuyển dụng, tài trợ cho hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, các hoạt động sinh viên do PTIT tổ chức hoặc đăng cai tổ chức 	2019-2021
7	Tổng công ty viễn thông Mobifone	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty VMS cung cấp các dịch vụ viễn thông, CNTT theo nhu cầu của Học viện như: phát triển các dịch vụ viễn thông, CNTT cho Học viện và CBCNV Học viện. VMS hỗ trợ Học viện tiếp cận với môi trường viễn thông, CNTT, cung cấp thông tin về công nghệ, dịch vụ mới của Học viện - VMS đặt hàng Học viện cung ứng các dịch vụ mà Học viện có thể mạnh và có thể đáp ứng 	Từ 2014

TT	Tên doanh nghiệp hợp tác	Nội dung hợp tác	Thời gian
8	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - VNPT	<ul style="list-style-type: none"> - Hai Bên phối hợp cùng tham gia, tổ chức các nhóm nghiên cứu để thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ theo các nguồn quỹ KHCN của VNPT và Học viện, các nguồn quỹ, chương trình KHCN nhà nước. - VNPT hỗ trợ Học viện hoạt động phát triển nghiên cứu KHCN để thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, ươm tạo công nghệ, khởi tạo doanh nghiệp KHCN cho giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên Học viện. - Ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ của Học viện vào sản xuất kinh doanh của VNPT. - Căn cứ vào yêu cầu và/hoặc đơn đặt hàng của VNPT, Học viện sẽ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao cho VNPT từ các sinh viên giỏi và ưu tú của Học viện. - Phụ thuộc vào nhu cầu, điều kiện thực tế của VNPT và mức độ đáp ứng các yêu cầu công việc, VNPT ưu tiên tuyển dụng sinh viên có kết quả học tập tốt của Học viện. - VNPT tạo điều kiện cho sinh viên của Học viện được thực tập tại các đơn vị của VNPT. - Học viện cam kết sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của VNPT trong bất kỳ và toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đào tạo và giảng dạy của Học viện 	2016-2021
9	Công ty Cổ phần Công nghệ DKT	<ul style="list-style-type: none"> - DKT tham gia các hoạt động hướng dẫn thực hành, cung cấp nền tảng (Phần mềm ứng dụng) để sinh viên thực hành. - DKT tham gia xây dựng, thẩm định đề cương chi tiết học phần, tham gia hướng dẫn, đánh giá kết thúc học phần, hướng dẫn tốt nghiệp, đánh giá khóa luận tốt nghiệp. - DKT cung cấp tài liệu, tư liệu dưới hình thức “tình huống nghiên cứu” sử dụng trong các giáo trình bài giảng, bài thực hành của PTIT, đồng thời cung cấp cho sinh viên cơ hội trải nghiệm thực tế tại công ty. - DKT hỗ trợ PTIT phát triển NCKH công nghệ để thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo cho giảng viên và sinh viên. - Căn cứ vào nhu cầu, điều kiện thực tế của DKT và mức độ đáp ứng các yêu cầu công việc, DKT ưu tiên tuyển dụng sinh viên có kết quả học tập tốt của PTIT vào học việc và làm việc. - PTIT tăng cường phối hợp với DKT trong công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu của DKT thông qua các hoạt động: Ngày hội tuyển dụng, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế do PTIT tổ chức hoặc đăng cai tổ chức. 	2018-2023
10	Công ty Cổ Phần Công nghệ Thông tin Ưu Việt	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các hoạt động thực tập, tuyển dụng và hướng nghiệp cho sinh viên - Phối hợp trong các hoạt động nghiên cứu khoa học - Phối hợp trong các hoạt động điều chỉnh/mở ngành đào tạo mới của Khoa 	

b) Tổng số giảng viên cơ hữu quy đổi; tổng số giảng viên thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù

Giảng viên cơ hữu:

STT	Ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Quy đổi
Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH)							
1	Công nghệ thông tin	1	8	25	41	6	121.8
2	An toàn thông tin	0	4	11	4	1	38.3
	Tổng số	1	12	36	45	7	
Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS)							
1	Công nghệ thông tin	0	1	6	10	0	25.0
2	An toàn thông tin	0	0	4	6	0	14.0
	Cộng:	0	1	10	17	0	

Giảng viên thỉnh giảng:

STT	Ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Quy đổi
Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH)							
1	Công nghệ thông tin	1	2	4	4	0	11.5
2	An toàn thông tin	0	0	0	2	0	1.0
	Tổng số	1	2	4	6	0	
Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS)							
1	Công nghệ thông tin	0	2	6	9	0	13,5
2	An toàn thông tin	0	1	1	4	0	4.5
	Cộng:	0	3	7	13	0	

1.15. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 300.000.000.000 đồng;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: khoảng 21.000.000 đồng/năm.

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành. ✍

- Đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời gian quy định

- Không thuộc các diện dưới đây:

- Không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự; đang truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc trong thời kỳ thi hành án hình sự;
- Những người bị tước quyền dự tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ thời hạn quy định tính từ ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự tuyển;
- Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chưa được Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cho phép đi học.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020, 2021 hoặc kết quả 3 năm học THPT với các môn tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển để thực hiện việc xét tuyển;
- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo ngành và theo tổ hợp các môn thi tương ứng (*Bảng chỉ tiêu dưới đây*);

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ/Hình thức đào tạo	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
1	Đại học VLVH	7520207	Kỹ thuật điện tử viễn thông	100	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01).
2	Đại học VLVH	7480201	Công nghệ thông tin	100	
3	Đại học VLVH	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01).

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải có điểm xét tuyển đạt từ 15.0 điểm trở lên theo tổ hợp môn xét tuyển đã đăng ký (*Sau khi đã cộng điểm ưu tiên*)

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển theo ngành và theo tổ hợp môn thi xét tuyển;
- Điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn thi trong cùng một ngành là bằng nhau;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu;
- Điểm trúng tuyển được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30 điểm;

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải có điểm xét tuyển đạt từ 15.0 điểm trở lên theo tổ hợp môn xét tuyển đã đăng ký (*Sau khi đã cộng điểm ưu tiên*);
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì sẽ xét điểm của môn 1 trong tổ hợp môn xét tuyển và cũng xét từ điểm cao xuống thấp;
- Các điều kiện khác thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian phát hành và nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: **Liên tục trong năm**
- Thời gian xét tuyển (Dự kiến): **Đợt 1 vào tháng 10/2021 và Đợt 2 vào tháng 12/2021.**
- Hồ sơ tuyển sinh gồm:
 - 01 Phiếu đăng ký tuyển sinh (Mẫu do Học viện phát hành);
 - 02 Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trung học phổ thông (đối với người dự tuyển ngay trong năm tốt nghiệp) hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc đại học;
 - 02 Bản sao công chứng Giấy khai sinh;
 - 02 bản sao hợp lệ Học bạ THPT;
 - 02 bản sao hợp lệ các giấy tờ ưu tiên (nếu có).
 - 01 Phiếu tuyển sinh (Mẫu do Học viện phát hành);
 - 04 Ảnh cỡ 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau ảnh) chụp trong vòng 6 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ dự thi;
 - 02 phong bì (không dán tem) ghi rõ họ tên, địa chỉ liên hệ, số điện thoại của người dự thi (đề nghị ghi rõ ràng, chính xác);
- Ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển:*

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Kỹ thuật Điện tử, viễn thông	7520207	A00, A01
2	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01
3	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01

Ghi chú:

- Tổ hợp **A00**: Toán, Vật lý, Hóa;
- Tổ hợp **A01**: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
- Tổ hợp **D01**: Toán, Văn, Tiếng Anh. ✓

2.8. Chính sách ưu tiên:

Học viện thực hiện chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển : 60.000 đ/hồ sơ
- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đ/hồ sơ

Lệ phí xét tuyển thí sinh nộp cùng hồ sơ đăng ký dự thi.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Phía Bắc (BVH): Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
Văn phòng giao dịch một cửa - Bộ phận tuyển sinh
Km10 đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội
Điện thoại: (024) 33528122, (024) 33512252

Phía Nam: Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông - Cơ sở tại Tp. Hồ Chí Minh
(BVS) Phòng Đào tạo & Khoa học Công nghệ (Bộ phận tuyển sinh)
Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38297220; Fax: (028) 38295092

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc HV;
- Cơ sở Học viện tại Tp. HCM;
- Cổng thông tin điện tử, cổng thông tin tuyển sinh;
- Lưu VT, ĐT (03).

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



★TS. Vũ Tuấn Lâm